



VÀI PHƯƠNG DIỆN TRONG TỤC CÚNG TẾ TỔ TIÊN Ở NGƯỜI HÀN

(QUA ĐỐI SÁNH VỚI TỤC THỜ PHỤNG
TỔ TIÊN Ở NGƯỜI VIỆT)

CAO THẾ TRÌNH

1. Việt Nam và Hàn Quốc là những quốc gia “*đồng chủng*”, “*đồng văn*” ở khu vực Đông Á. Một trong những “*mẫu số chung*” dễ nhận thấy trong văn hóa giữa hai dân tộc Việt, Hàn chính là *tục thờ phụng tổ tiên*. Tuy nhiên, trong quá trình tìm hiểu tục tế lễ tổ tiên (*chê sa chô san*) ở người Hàn chúng tôi nhận thấy, bên cạnh những điểm giống nhau, vẫn có thể nhận ra không ít những điểm khác biệt liên quan tới quan niệm tâm linh, môi trường tự nhiên, xã hội, đặc điểm văn hóa - lịch sử của mỗi dân tộc. Dưới đây, chúng tôi bước đầu giới thiệu về tục thờ cúng tổ tiên của người Hàn và đặt nó trong sự đối sánh với phong tục này ở người Việt để tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt trong hình thái tín ngưỡng nói trên, với hy vọng thông qua đó sẽ góp phần tăng cường mối quan hệ hiểu biết lẫn nhau và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác - hữu nghị giữa hai dân tộc Việt Nam và Hàn Quốc.

2. So với các lĩnh vực văn hóa khác, cho tới nay, phong tục thờ cúng tổ tiên ở người Hàn vẫn chưa thu hút được sự quan tâm của giới nghiên cứu Việt Nam. Điềm qua

một số công trình, bài viết về văn hóa Hàn Quốc đã công bố trong tập kỷ yếu *Tương đồng văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc* hay trong tập chuyên khảo về văn hóa Hàn Quốc của PGS. TS. Lê Quang Thiêm, và ngay cả trong các cuốn sách giới thiệu về đất nước, con người, lịch sử và văn hóa Hàn Quốc của *Cơ quan thông tin hải ngoại của Hàn Quốc* (Korean Overseas Information Service - Government Information Agency) xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt, ở mục “*Tôn giáo*” - chúng tôi chưa bắt gặp một dòng nào giới thiệu về phong tục thờ cúng tổ tiên, hoặc nếu có chăng thì cũng hết sức sơ lược, xem nó như một phần của đạo Khổng ở người Hàn (Xem: Nguyễn Bá Thành, 1996; Lê Quang Thiêm, 2005; Cơ quan Thông tin Hải ngoại Hàn Quốc, 1994; Nguyễn Long Châu, 2000, tr. 126-127; Mai Ngọc Chừ, 2002, tr. 38-39; Trịnh Huy Hóa, 2002). Cho tới nay, vẫn chưa có một nhà nghiên cứu nào đi sâu phân tích một cách chi tiết các phương diện như đối tượng thờ phụng, thời gian và các nghi thức thờ phụng... và so sánh phong tục này ở người

Hàn với người Việt¹. Rất may, trong quá trình tìm hiểu vấn đề đặt ra, chúng tôi luôn nhận được sự giúp đỡ của các đồng nghiệp Việt Nam đã từng có thời gian sinh sống, học tập tại Hàn Quốc và các giảng viên đến từ Hàn Quốc - hiện đang là giảng viên tại Trường Đại học Đà Lạt, trong đó đặc biệt phải kể tới những tư liệu và diễn giải của GS. TS. Oh Joong Ho.

3. Trước hết xin bắt đầu từ quan niệm về *đối tượng thờ phụng*, tức trả lời câu hỏi: *Tổ tiên là ai?* Câu hỏi tưởng chừng “ngớ ngẩn” này, thực tế lại rất nghiêm túc, nhất là đối với các hình thái tín ngưỡng dân gian. Chúng tôi đã từng “bóc tách” từ tục thờ cúng tổ tiên ở người Việt thành nhiều lớp thờ phụng khác nhau như *thờ người (mới) chết, thờ gia tiên, thờ thủy tổ, thờ triêu tổ, thờ gia thần, thờ Phật* (Cao Thế Trình, 2000, tr. 20-25; 2006, tr. 9-12)... Trong tín ngưỡng dân gian, muốn xác định đúng đối tượng thờ phụng, không thể dễ dãi tin vào tên gọi của hình thái thờ phụng, bởi tên gọi các hình thái tín ngưỡng không phải bao giờ cũng trùng hợp với đối tượng thờ phụng; do vậy, cần phải dựa vào các bản *linh/thần vị* và nội dung các bản *chúc*

¹ Trong phạm vi hiểu biết của chúng tôi hiện nay, học giả Nhật Bản - GS. TS. Suenari Michio ở Đông Dương văn khố - Tokyo đã có một báo cáo tại *Hội thảo quốc tế về Nhân học* tổ chức tại khu nghỉ dưỡng Bình Châu (Bà Rịa - Vũng Tàu) ngày 15-18/12/2007 với tiêu đề “*How are Ancestors symbolized on the Family Altar? A comparative Analysis with the other East Asian Societies*”. Trong báo cáo này, tác giả đã so sánh sơ lược sự giống và khác nhau trong tục thờ cúng tổ tiên của người Hàn với người Việt (1,5 trang và 2 hình). Rất tiếc, chúng tôi chưa liên hệ được với tác giả để xin phép trích dẫn nội dung của một vài so sánh đó.

văn đọc trong các dịp tế lễ². Đối với người Việt, có thể xác định đối tượng thờ phụng tổ tiên qua quan sát bàn thờ tổ tiên của họ. Ở đó có sự hiện diện của *linh vị* (có trường hợp được đặt trong *long khám/long ngai* rất trang trọng), song với người Hàn điều này có phần khó khăn hơn, bởi bàn thờ tổ tiên hầu như vắng bóng trong các ngôi nhà của họ³. Vào những dịp cúng tế, người Hàn mới bài trí bàn thờ và sau khi tế lễ xong, họ lại dọn dẹp, cất đi. Bàn thờ tổ tiên ở người Hàn thường là một chiếc bàn vuông thấp, bài vị của những người quá cố chỉ là những băng giấy (4 cm x 40 cm) ghi thụy hiệu của người quá cố, được dán trên những giá gỗ nhỏ. Do thụy hiệu trên những bài vị trùng hợp với thụy hiệu trong các bản chúc văn, nên có thể xác định đối tượng thờ phụng trong tục thờ cúng tổ tiên của người Hàn qua các bản chúc văn. Dưới đây là một bản chúc văn như vậy và để tiện cho các độc giả Việt Nam, chúng tôi phiên âm theo âm Hán - Việt.

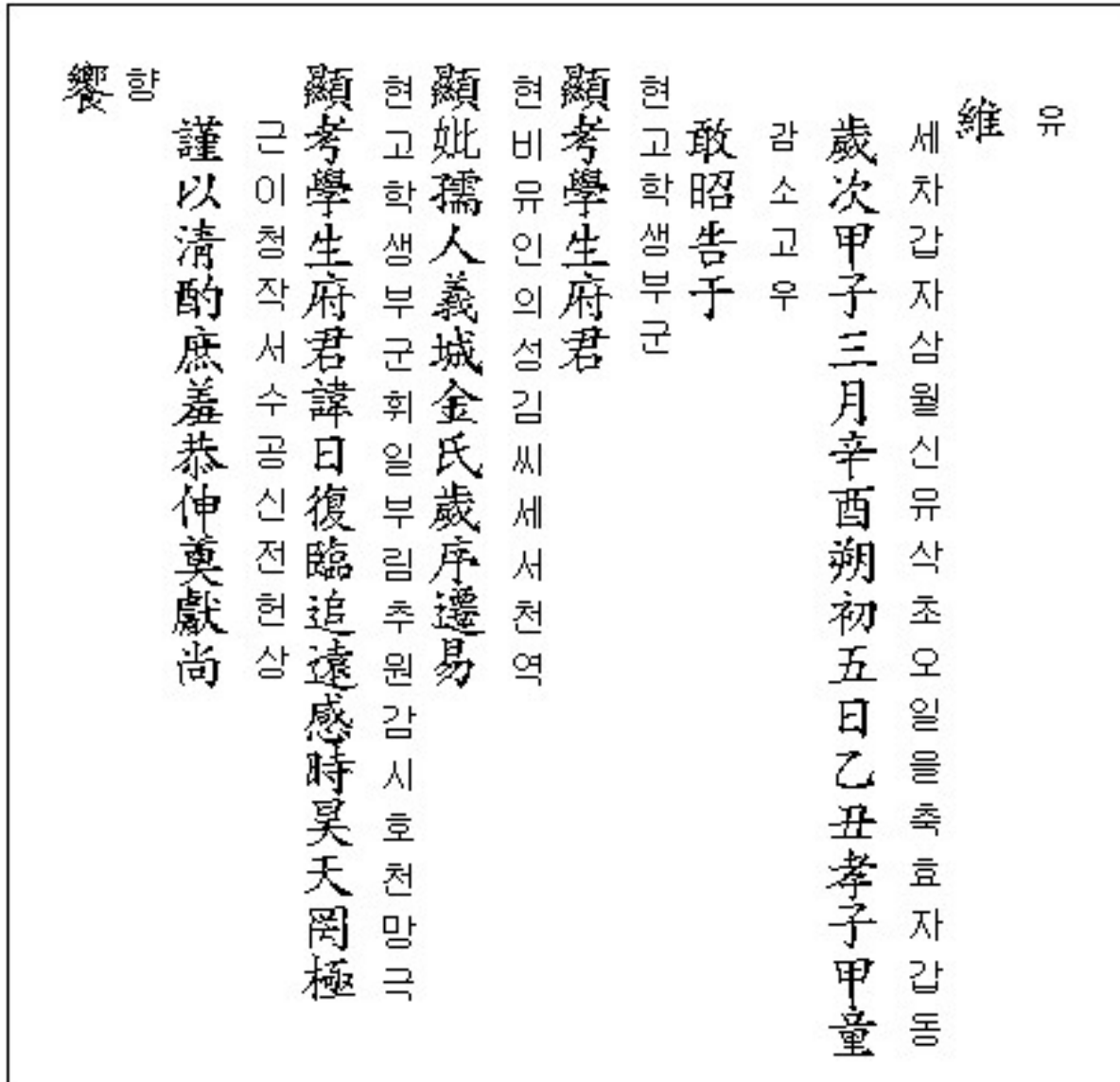
² Chẳng hạn trong tín ngưỡng thờ Hùng Vương tại đền Hùng - Phú Thọ, qua phân tích các bản thần vị, chúng tôi đã nhận thấy, trước hết, các hạng mục kiến trúc liên quan tới tục thờ thần Núi (*Đột ngột cao sơn, Ất sơn, Viễn sơn, nòng Dốc cao*), về sau mới được “cấy” thêm một lớp thờ phụng mới - thờ các vua Hùng (xem: Cao Thế Trình, 2002, tr. 30-38). Ngay trong các hình thái tín ngưỡng thờ Thành Hoàng hay thờ Mẫu ở người Việt, cũng không mấy khó khăn để nhận ra ở đó *không chỉ* thờ Thành Hoàng hay thờ Mẫu.

³ Trước đây, ở những gia đình khá giả thường có *gia miếu*. Theo những người Hàn Quốc đang làm việc tại Việt Nam, trước đây trong nhà của người Hàn Quốc có bàn thờ tổ tiên dưới dạng những tấm ván nhỏ treo trên tường, song trong vài thập niên trở lại đây, những bàn thờ này cũng dần vắng bóng và hầu như không thấy ở các vùng đô thị. Trong một nghiên cứu về nhà cửa của người Bắc Hàn, nhà dân tộc học Xô viết Djarungaxinova R. S., đã đề cập tới những cái *altar* (bàn thờ), song không rõ là bàn thờ gì - thờ tổ tiên hay gia thần? (Xem: Djarungaxinova R. S., 1979, tr. 226).

“Duy! Tuế thứ Giáp Tý, tam nguyệt, Tân Dậu sóc, ngũ nhật Ất Sửu!

Hiếu tử Giáp Đông cảm chiêu cáo vu!
Hiển khảo học sinh phủ quân/Hiển tử như
nhân Nghĩ Thành Kim thị tuế tự thiên dịch.

Hiển khảo học sinh phủ quân, húy nhật phục
lâm truy viễn cảm thời hạo thiên cương
quyền, cần dĩ thanh chúc thứ tu cung thân
điện hiển. Thượng hưởng!⁴”.



Phỏng dịch: “Duy! Năm Giáp Tý, tháng Ba (Tân Dậu sóc), ngày mồng Năm (Ất Sửu). Hiếu tử Giáp Đông xin kính cáo cùng nghiêm phụ/hiền mẫu họ Kim Nghĩ Thành. Ngày tháng vẫn xoay, nay tới ngày giỗ của cha, con kính cần bày soạn rượu và các món ăn xin hiển dâng lên bàn thờ, xin kính mời cha mẹ thượng hưởng!”.

Để tiện so sánh, chúng tôi giới thiệu dưới đây một bản chúc văn đọc trong dịp kỵ nhật ở người Việt.

⁴ Bản chúc văn này do GS. TS. Oh Joong Ho (Ngô Tông Hạo) và Giáo sư Văn học Young Jin (Trường Cao đẳng nghề Vinh Tiên) cung cấp. Nhân đây chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

“Duy! Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lục thập tam niên, tuế thứ Mậu Tý, trọng Thu nguyệt, sơ thất nhật, Lâm Đồng tỉnh, Đà Lạt thị, đệ bát phường, Lý Nam Đế lộ. Trưởng Nam Nguyễn Văn A xuất chúng tử tôn, hôn tế, nội ngoại, thượng hạ đẳng đồng kính bái!

Viết kim vì lễ hữu hựu nhật phục linh, bất cảm viết quá, cần phụng bàn soạn phù lưu thanh chúc, hương đăng đăng vật, thứ phẩm chi nghị chí tiến Hiến khảo mặc thù chiếu giám.

Cung thỉnh: Hiến khảo Nguyễn quý công tự Văn B phủ quân vị tiên!

Kính thỉnh bản gia ngũ tự phúc thần, Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân đồng lai chiếu giám!

Cập bản gia bá thúc huynh đệ, cô di tỵ muội, tảo sinh tảo lạc đồng lai hâm hưởng! Cẩn cáo!⁵”

Dịch: [Hôm nay] là ngày mùng Bảy tháng Tám năm Mậu Tý [2008] - năm thứ 63 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tại đường Lý Nam Đế, phường VIII, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Trưởng nam là Nguyễn Văn A dẫn đầu con cháu, dâu rể, nội ngoại, trên dưới (già trẻ) cùng kính bái!

Rằng nay nhằm ngày giỗ của cha, không dám bỏ qua, cần trọng bày soạn trầu, rượu, hương, đèn và các lễ vật khác, kính dâng lên cha, kính mong hương hồn cha chứng giám!

⁵ Đây là một bản chúc văn chúng tôi phỏng theo bản chúc văn sưu tầm tại quê nhà (Diễn Liên, Diễn Châu, Nghệ An). Thực ra, tương tự như các hình thái tín ngưỡng dân gian khác, không thể tránh khỏi tính dị bản trong thể loại này; tuy vậy, nhìn chung giữa chúng vẫn có tính thống nhất khá cao (đại đồng - tiểu dị).

Cung kính mời cha là Nguyễn Văn B [an tọa] tại vị trí trước!

Cung kính mời các vị gia thần, ông Bép cùng về chứng giám!

[Nhân dịp này] kính mời [hương hồn] các vị cô di, chú bác, anh chị em, những người chết yếu trong gia đình cùng về thụ hưởng. Trân trọng kính cáo!

So sánh hai bản chúc văn trên ở Hàn và người Việt, có thể nhận ra những điểm tương đồng và dị biệt sau đây:

Điểm chung dễ nhận thấy nhất là các bản chúc văn đó đều được soạn thảo bằng chữ Hán theo phong cách Hán ngữ trung đại (chưa sử dụng hệ thống dấu chấm câu), mở đầu bằng thán từ “Duy!” và được đọc lên theo cách phiên âm của mỗi dân tộc (Hàn - Hàn, Hán - Việt), nội dung của nó chỉ những người có một trình độ Hán văn nhất định mới hiểu, còn phần đông dân chúng không hiểu (Việt) hay chỉ hiểu đại khái (Hàn)⁶.

Một điểm tương đồng nữa có thể nhận ra qua linh/bài vị và hai bản chúc văn là cả người Hàn lẫn người Việt đều sử dụng hệ thống thụ hiệu của 4 thế hệ người quá cố gần nhất so với đương tế theo văn hóa Hán: Cao - Tăng - Tổ - Khảo, cũng như các từ tôn xưng *phủ quân* gắn với nam và *nhụ nhân* gắn với nữ. Sự khác biệt nhìn chung là không đáng kể, có thể thấy qua bảng so sánh sau:

⁶ Theo GS. TS. Oh Joong Ho, số người Hàn hiểu đại khái nội dung các bản chúc văn tế tổ tiên khá lớn, bởi trong chương trình giáo dục phổ thông ở Hàn Quốc có môn chữ Hán và trong hệ thống văn tự Hàn Quốc, ngoài hệ thống mẫu tự *Hangeul* vẫn còn sử dụng một số lượng chữ Hán nhất định. Ở Việt Nam, tiếc thay, số người biết chữ Hán có lẽ chỉ vài ba phần trăm dân số của cả nước.

THỂ HỆ	THỤY HIỆU Ở NGƯỜI VIỆT	THỤY HIỆU Ở NGƯỜI HÀN
Cha, mẹ	<i>Hiển khảo... phủ quân, hiển tử... nhụ nhân</i>	<i>Hiển khảo... phủ quân, hiển tử... nhụ nhân</i>
Ông, bà	<i>Hiển tổ khảo... phủ quân, hiển tổ tử... nhụ nhân</i>	<i>Tổ khảo... phủ quân, tổ tử nhụ nhân</i>
Cố ông, cố bà	<i>Tằng tổ khảo, tằng tổ tử</i>	<i>Tằng tổ khảo... phủ quân, tằng tổ tử nhụ nhân</i>
Cụ ông, cụ bà	<i>Cao tằng tổ khảo... phủ quân, cao tằng tổ tử... nhụ nhân</i>	<i>Cao tổ khảo... phủ quân, cao tổ tử nhụ nhân</i>
Cụ tổ dòng họ	<i>Thủy tổ khảo... phủ quân</i>	<i>Thủy tổ... phủ quân</i>

Cũng cần lưu ý, một điểm chung về đối tượng thờ phụng trong tục thờ cúng tổ tiên ở người Hàn và người Việt - đó là các vị *tổ tiên đích thực*, tức tổ tiên trong mối quan hệ cội nguồn huyết thống giữa các thế hệ từ *Thủy tổ... → Cao tổ → Tằng tổ → Tổ phụ → Hiển khảo/tử* (phụ, mẫu) cho tới con cháu hôm nay, chứ không phải là tổ tiên huyền thoại như ở các tộc người theo tín ngưỡng tôn giáo. Việc thờ cúng trong phạm vi gia đình (thờ gia tiên) ở hai dân tộc cũng chỉ dừng lại ở 4 thế hệ người chết gần nhất so với đương tể: Cụ, cố, ông/bà, cha/mẹ (*Cao - tằng - tổ - khảo/tử*). Việc thờ cúng 4 thế hệ này diễn ra chủ yếu vào dịp kỷ niệm chu niên ngày mất của người quá cố (*giỗ/ky*). Các thế hệ cao hơn, từ đời thứ 5 (*ngũ đại*) cho tới thủy tổ, chỉ thực hiện mỗi năm một vài lần tại từ đường dòng họ. Riêng người Hàn còn thực hiện cúng tế các thế hệ này vào các dịp Tết Hàn thực hàng năm tại phần mộ.

Còn một sự trùng hợp nữa giữa hai bản chúc văn nói trên là sự có mặt của *thanh chúc* (rượu) trong mâm cỗ ở cả người Hàn và Việt. Vấn đề này chúng tôi sẽ đề cập ở phần sau.

Bên cạnh những điểm giống nhau, giữa hai bản chúc văn nêu trên cũng có những điểm khác nhau:

Trong phần mở đầu, bản chúc văn ở người Việt nêu rõ thời gian địa điểm và thành phần tham dự tế lễ, trong khi đó ở bản chúc văn ở người Hàn không có yếu tố *địa điểm* diễn ra tế lễ và thành phần tham dự chỉ nêu tên chủ tế (*hiếu tử*) mà không đề cập tới những người cùng tham gia khác (*tử tôn, hôn tế, nội ngoại, thượng hạ đẳng*) như ở bản chúc văn của người Việt.

Một điểm khác nữa là các mỹ tự tôn xưng trong thụy hiệu người quá cố giữa hai dân tộc Hàn, Việt. Có thể nhận rõ điều này qua bảng so sánh sau:

GIỚI	THỤY HIỆU Ở NGƯỜI HÀN	THỤY HIỆU Ở NGƯỜI VIỆT
Nam	<i>Hiển/Tổ khảo học sinh/tiến sỹ phủ quân</i>	<i>Hiển/tổ khảo Nguyễn quý công tự Văn B phủ quân</i>
Nữ	<i>Hiển tử nhụ nhân Nghĩa Thành Kim thị</i>	<i>Hiển tử Nguyễn đường chính thất Lê thị hàng hiệu tự C nhụ nhân</i>

Trong các bản chúc văn ở người Việt các từ tôn xưng dành cho nam giới là *quý công*, trong khi đó ở người Hàn là *học sinh* hay *tiến sỹ*. Điểm đáng chú ý là trên bài vị của nam giới Hàn không có họ tên người mất và nếu là nữ cũng chỉ có họ (*Nghĩa Thành Kim thị* - “họ Kim từ đất Nghĩa Thành”⁷). Ngược lại, trong các bản chúc văn ở người Việt tên tuổi của người quá cố dù là nam hay nữ đều được thể hiện (*Hiển khảo Nguyễn quý công tự Văn B phủ quân hay Hiển tử Nguyễn đường chính thất Lê thị hàng hiệu tự B nhụ nhân*, tức ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị B).

Một khác biệt lớn trong hai bản chúc văn thờ cúng tổ tiên ở người Việt và người Hàn liên quan đến đối tượng thờ phụng là ở chỗ: trong bản chúc văn của người Việt có “thỉnh” (mời) thêm *Bản gia ngũ tự phúc thần, Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân* - tức các vị *gia thần* trong các gia đình Việt. Ngoài ra, mỗi dịp giỗ/ky, người Việt không chỉ “thỉnh” cá nhân đối tượng thờ phụng chính (cha/mẹ/ông/bà/cô/cụ), mà còn “thỉnh” thêm “*bản gia bá thúc huynh đệ, cô di, ty muội, tảo sinh tảo lạc*” - nghĩa là mời hương hồn tất cả những người đã khuất trong gia đình cùng về “hâm hưởng”. Rõ ràng, trong trường hợp này, đối tượng thờ phụng trong tục thờ cúng tổ tiên ở người Việt rộng hơn so với đối tượng thờ phụng trong hình thái tín ngưỡng này ở người Hàn.

⁷ Cần lưu ý người Hàn phân biệt những người có cùng ký hiệu dòng họ thông qua nguồn gốc. Chẳng hạn họ *Kim* ở Nghĩa Thành, họ *Lý* ở Hoa Sơn, họ *Thôi* ở Dương Châu... để phân biệt với họ *Kim* ở Hán thành (Seoul), họ *Lý* ở Phú Sơn (Busan), họ *Thôi* ở Hoa Sơn... Trong khi đó, người Việt thường phân biệt các dòng họ có cùng ký hiệu dòng họ bằng các chữ đệm như *Nguyễn Duy, Nguyễn Hữu, Nguyễn Phúc*...

Ngoài thờ 4 thế hệ gia tiên, ở người Hàn có các hình thái thờ phụng *người mới chết*, thờ *Thủy Tổ* dòng họ và thờ *Triệu Tổ* (tổ tiên chung của cả dân tộc Hàn) hay không? Câu trả lời của chúng tôi là có.

Khi trong nhà có người mới chết, người Hàn cũng lập một bàn thờ riêng, nhưng thời gian tồn tại của bàn thờ này phổ biến chỉ trong vòng 100 ngày (trong khi ở người Việt, bàn thờ này tồn tại tới kỳ mãn tang - 27 tháng). Việc thờ Thủy tổ do Trưởng tộc chủ trì và mỗi năm tiến hành một vài lần tại từ đường dòng họ. Ở người Hàn có huyền thoại về *Tang Gun* (Đàn Quân) - cháu của thần Mặt Trời, đã dựng nên quốc gia *Chô Sơn* cổ (Triều Tiên) như là *Triệu Tổ* của dân tộc Hàn, nhưng việc thờ cúng vị vua huyền thoại rất mờ nhạt (dấu trong lịch lễ hội hàng năm vẫn xem ngày 3 tháng 10 là ngày Quốc Khánh (Trịnh Huy Hóa, 2002, tr. 183), chứ không sâu đậm như Giỗ Tổ Hùng Vương ngày 10 tháng 3 ở người Việt).

4. *Bố trí bàn thờ và lễ vật*. Bàn thờ tổ tiên là một thành tố không thể thiếu trong hầu hết các gia đình Việt (trừ một bộ phận theo Ki-tô giáo), thậm chí có thể xem bàn thờ như là một tiêu chí để phân biệt giữa nhà của người Việt với nhiều tộc người khác⁸. Ở mỗi gia đình Việt, bàn thờ có thể to/nhỏ, đơn sơ/trang trọng... nhưng bao giờ nó cũng được đặt ở vị trí trang trọng nhất của ngôi nhà - thường là ở gian giữa. Trường hợp nhà có nhiều tầng, bàn thờ sẽ được bố trí ở tầng cao nhất. Nhìn chung, bài trí bàn thờ tổ tiên ở người Việt rất trang nghiêm, thường có *linh vị* bằng gỗ sơn son thếp vàng và gần đây là *di ảnh* của những người đã khuất cùng với

⁸ Có dịp ra nước ngoài, vào các gia đình người Việt bao giờ cũng dễ dàng bắt gặp bàn thờ trong nhà của họ.

bát hương, chân đèn, lọ hoa... Với những gia đình khá giả, gắn với bàn thờ là những cỗ *tam sự* (lư hương, 2 chân đèn sáp) hay *ngũ sự* (lư hương, 2 chân đèn sáp, 2 con hạc) bằng đồng và những bức *hoành phi, câu đối* ca tụng công đức tổ tiên...

Nếu như ở người Việt, bàn thờ tổ tiên là một thành tố vật chất hiện hữu, thường hằng, có thể được “nâng cấp” cho trang trọng hơn khi có điều kiện, chứ không thể dỡ bỏ, thì ngược lại, bàn thờ ở người Hàn lại rất đơn giản, thậm chí là rất *tạm thời* - thường chỉ là một tấm gỗ nhỏ treo trên tường, trong vài ba thập niên trở lại đây, những tấm gỗ đó cũng không còn nữa, nhất là tại các vùng đô thị. Mỗi lần tới dịp giỗ kỵ, họ mới lập và bài trí bàn thờ, sau khi tế lễ xong lại dọn dẹp, cất đi. Những tấm thần vị chỉ là những giá gỗ để dán băng giấy nhỏ ghi thụy hiệu người được cúng tế. Sau đó, băng giấy bị đốt, giá gỗ được cất vào tủ. Do tấm gỗ làm bàn thờ không đủ diện tích cho việc bày biện lễ vật rất phong phú (hàng chục món), nên vào dịp tế lễ, họ phải kê thêm một chiếc bàn vuông, thường có kích thước 1,2m x 1,2m, cách mặt đất khoảng 0,4m, tương tự những chiếc bàn ăn bình thường, vì người Hàn cũng quan niệm “sống sao, thác vậy” (trong khi bàn thờ ở người Việt thường cao 1,4m, cao hơn những chiếc bàn ăn bình thường, và không ít trường hợp người ta sử dụng nóc tủ làm bàn thờ).

Trên bàn thờ tổ tiên của người Hàn cũng có lư hương, 2 cây nến, bình rượu (*thanh chước*), và những băng giấy ghi thụy hiệu của người được thờ phụng. Điều đáng chú ý, theo chúng tôi, là sự có mặt của các yếu tố *thanh chước, hương, đăng* (rượu, hương, đèn) trên bàn thờ tổ tiên của người

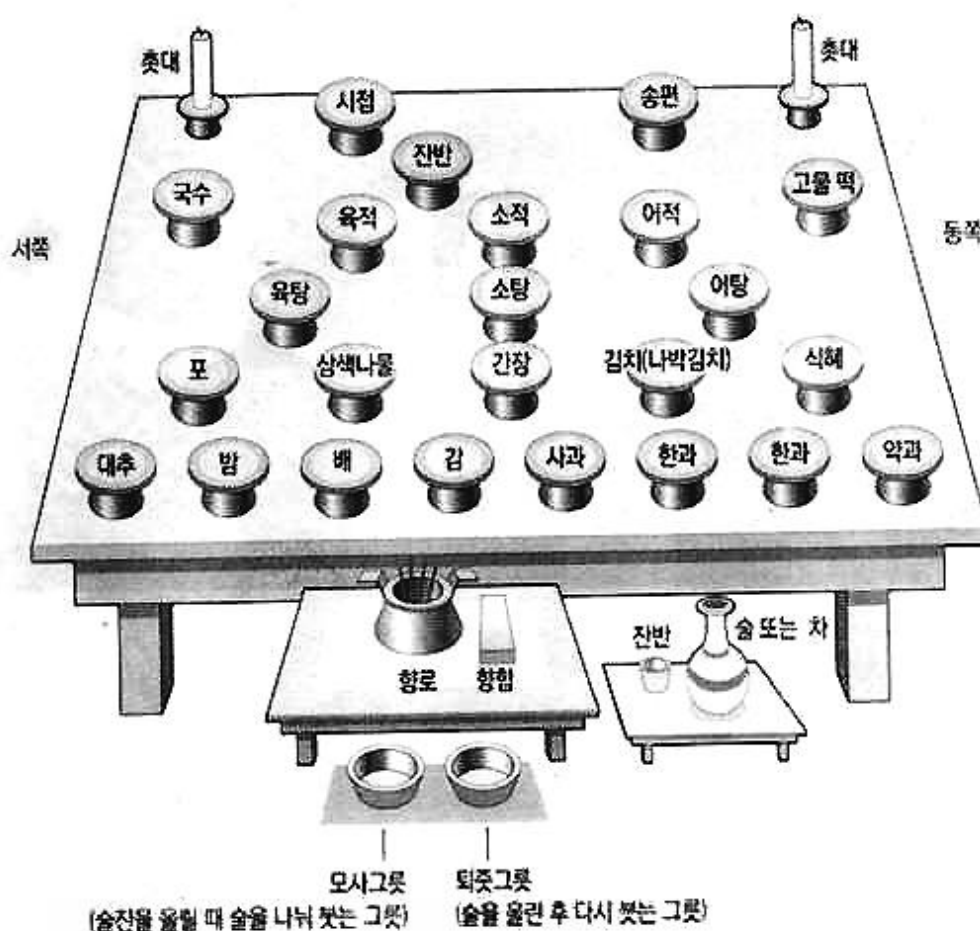
Hàn và Việt. Phải chăng đây chính là dấu vết của tục thờ nước và thờ lửa còn đọng lại trong văn hóa của người Việt, người Hàn, nhất là trên bàn thờ của người Việt còn có thêm *ly nước* nữa.

Lễ vật trong cúng tế tổ tiên của người Việt và người Hàn cũng có những yếu tố tương đồng và dị biệt. Ngoài các yếu tố rượu, hương, đèn nói trên, ở người Việt còn thêm một thứ không thể thiếu là *phù lưu* (trầu cau). Sự thiếu vắng trầu cau trong tế lễ của người Hàn hẳn là gắn với một thực tế - ở Hàn Quốc không có trầu cau, người Hàn Quốc không có tục ăn trầu như người Việt⁹. Về quả phẩm, mâm *ngũ quả* ở người Việt thường có chuối, cam, bưởi, quýt, táo... (ở phía Nam lại thường là măng cầu, dứa, đu đủ, xoài - với ý nghĩa tượng trưng “*cầu vừa đủ xài*”)... Đặc biệt, *chuối* gần như là thứ quả không thể thiếu, bởi theo chúng tôi, đây chính là dấu vết của tín ngưỡng phồn thực ở một số cư dân Đông Nam Á bản địa (Cao Thế Trình, 2006, tr. 9-12). Trong khi đó, 4 thứ quả “bắt buộc” phải có trong thờ cúng tổ tiên ở người Hàn lại là *lê, hồng, hạt dẻ, chà là*.

Cỗ bàn ở người người Hàn rất thịnh soạn, có thể lên tới hàng chục món và được bài trí theo một trật tự trái - phải, trước - sau rất nghiêm ngặt. Có thể thấy rõ điều đó qua sơ đồ sau¹⁰:

⁹ Cau là loại cây ưa nhiệt, không thích hợp với vùng ôn đới như ở Hàn Quốc. Ngay ở Đài Loan, trầu cau (*bi nang* - tân lang) cũng được trồng khá phổ biến và tại các vùng Đài Trung, Đài Nam có khá nhiều quán trầu cau với các cô gái bán hàng ăn mặc rất “mát mẻ”, nhưng những trái cau ở đó bé tẹo, mỗi lần ăn hết luôn cả quả, chứ không có “*cau sáu*”, “*cau tám*”... (bỏ làm 6 hay 8 miếng) như ở Việt Nam.

¹⁰ Sơ đồ này do GS. TS. Oh Joong Ho cung cấp, được lấy từ trang Homepage: dongA.com.



Theo thứ tự (từ trái qua phải), hàng thứ nhất gồm: *chà là, hạt dẻ, lê, hồng, táo và các loại bánh hoặc trái cây khác*; hàng thứ hai gồm: *cá khô + mực khô, rau dương xỉ, củ cải, giá, xì dầu, kim chi, nước lên men từ gạo*; hàng thứ ba gồm 3 món canh - *canh thịt, canh cá, canh rau*; hàng thứ tư gồm 3 món chiên tẩm bột với nguyên liệu chính là *thịt, cá và rau*; tiếp theo là *các món cơm, canh, bánh tót và rượu*.

Về trật tự, các lễ vật được bày biện theo các nguyên tắc sau: cá phía Đông - thịt phía Tây, dầu phía Đông - đuôi phía Tây, màu hồng phía Đông - màu trắng phía Tây, đĩa phía Đông - bát phía Tây, món (tươi) sống phía Đông - món chín phía Tây, miến

(xúp) phía Tây - bánh phía Đông, món ăn phía Tây - món uống phía Đông, món khô bên trái - món nước bên phải... Đặc biệt, trong các lễ vật, người Hàn không sử dụng quả đào (vì có lông, bám bụi bẩn), không cúng các loại cá có vảy (chẳng hạn cá chép), không sử dụng các gia vị quá cay hay mặn hoặc nặng mùi (ớt bột, tỏi, nước mắm...)...

Có thể thấy lễ vật trong thờ cúng tổ tiên ở hai dân tộc Việt, Hàn rất khác nhau. Trong “mâm cỗ” nói trên không thấy gà luộc nguyên con bắt chéo cánh hay xôi/bánh chưng... như ở người Việt. Hẳn những điểm khác biệt này liên quan tới văn hóa ẩm thực của mỗi tộc người.

5. Về lễ nghi, con cháu người Hàn khi tham gia cúng tế đều thực hiện các nghi thức rất trọng thể: 2 lần *phủ phục* (quỳ, dập đầu xuống đất), trong khi ở người Việt, nghi thức đó thường do chủ tế đảm nhiệm, những người khác có thể không thực hiện (phổ biến nhất hiện nay là đứng vái). Nhà nghiên cứu Nhật Bản Suenari Michio nhận xét, người Hàn tuân thủ các nghi thức tế lễ theo Nho giáo trung thực tới mức không tìm thấy ở người Hán - Trung Quốc¹¹.

6. Trên đây chúng tôi vừa giới thiệu một vài phương diện trong tục thờ cúng tổ tiên ở người Hàn trong quan hệ đối sánh với hình thái tín ngưỡng cùng loại ở người Việt. Dẫu chưa đầy đủ mọi chi tiết, song hy vọng qua đó cũng đã phác họa những nét chính của phong tục thờ cúng tổ tiên của người Hàn cùng những điểm tương đồng và dị biệt trong phong tục này giữa người Hàn và người Việt.

Không mấy khó khăn để có thể nhận thấy, so với người Hàn, phong tục thờ cúng tổ tiên ở người Việt sâu đậm hơn, sâu đậm tới mức không ít người cho rằng, nếu như phải chọn một hình thức tôn giáo - tín ngưỡng nào đó làm “quốc đạo” ở Việt Nam, hẳn đó phải là *đạo thờ tổ tiên*. Trong khi đó, phong tục thờ cúng tổ tiên ở người Hàn tỏ ra “mờ nhạt” trước các hình thái tín ngưỡng dân gian khác, nhất là saman giáo (phương/vu thuật).

Cũng như sự tương đồng trong nhiều yếu tố văn hóa khác, những “mẫu số chung” trong tục thờ cúng tổ tiên ở người Việt và

người Hàn đều có liên quan tới văn hóa Hán, đặc biệt là những quan điểm Nho giáo về *đạo Hiếu*, nhất là các nghi thức trong *Chu tử gia lễ*¹² mà hai dân tộc đã từng tiếp thu và chịu ảnh hưởng sâu đậm trong suốt thời kỳ trung đại. Những điểm khác biệt lại liên quan tới môi trường tự nhiên, xã hội và đặc điểm văn hóa - lịch sử của mỗi dân tộc. Những điểm tương đồng phản ánh những nét “đồng văn”, những điểm dị biệt thể hiện khả năng bản địa hóa mãnh liệt những yếu tố văn hóa ngoại sinh của hai dân tộc Hàn, Việt và chính điều này góp phần tạo nên những nét đặc sắc riêng của mỗi dân tộc trong cộng đồng các quốc gia trong khu vực Đông Á.

Tài liệu tham khảo

1. Cơ quan thông tin hải ngoại Hàn Quốc (1995), *Hàn Quốc - Lịch sử và Văn hóa*, Bản dịch từ nguyên bản tiếng Anh: *Korea - It's History & Culture*, Seoul, 1994 của Khoa Lịch sử - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Cơ quan thông tin hải ngoại Hàn Quốc (2003), *Hàn Quốc - Đất nước, con người*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

3. Nguyễn Long Châu (2000), *Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

4. Mai Ngọc Chừ (2002), “Vài nét về sự tương đồng các yếu tố văn hóa truyền thống Việt Nam - Hàn Quốc”, trong: *Những vấn đề Văn hóa, Xã hội và Ngôn ngữ Hàn Quốc*, Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

¹¹ Chúng tôi được mời tham dự lễ mừng thọ của một doanh nhân Hàn Quốc tại Đà Lạt và nhận thấy, trong buổi lễ đó, tất cả con trai, con gái, con dâu, con rể đều thực hiện nghi thức *phủ phục* trước cha mẹ còn sống.

¹² Như trên đã viết, không ít nhà nghiên cứu đã gộp tục thờ cúng tổ tiên ở người Hàn như là một bộ phận của đạo Khổng. Xem: Nguyễn Long Châu, Mai Ngọc Chừ, Tư liệu đã dẫn.

5. Djarungaxinova R. S. (1979), “Nhà cửa của người Triều Tiên”, trong: *Các loại hình nhà nông thôn truyền thống của các dân tộc Đông, Đông Nam và Trung Á*, Nxb “Na-u-ka” (Khoa học), Mátxcova, 1979, tr. 216-227 (tiếng Nga).

6. Trịnh Huy Hóa (biên dịch) (2002), “Triều Tiên”, trong : *Tủ sách “Đối thoại với các nền văn hóa”*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

7. Joo Kang Hyun (2006), *Văn hóa Hàn Quốc - những bí ẩn*, Nxb Hankire, Seoul, Dịch từ nguyên bản tiếng Hàn, Người dịch: Th.s. Thân Thị Thúy Hiền - Giảng viên tiếng Hàn khoa Đông phương - Trường Đại học Đà Lạt.

8. Korean Overseas Information Service - Government Information Agency - Korea (1994), *Hello from Korea*, Korean Overseas Information Service, Seoul.

9. Nguyễn Bá Thành - Tuyển chọn và giới thiệu (1996), *Tương đồng văn hóa Hàn Quốc - Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, trong đó có các bài viết về văn hóa như:

- Lê Chí Quế, “Về mối quan hệ loại hình giữa văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc”, tr. 113-120.

- Hoàng Trinh, “Vài nét về văn hóa Hàn Quốc”, tr. 121-125.

- Trần Ngọc Vương, “Vùng văn hóa Đông Á và sự tương đồng văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc”, tr. 105-112.

10. Lê Quang Thiêm (2005), *Khái niệm Văn hóa, Văn minh, Văn hóa truyền thống Hàn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

11. Cao Thế Trinh (2000) “Vài khía cạnh xung quanh tục thờ cúng tổ tiên ở người Việt”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 20-25.

12. Cao Thế Trinh (2002), “Thử tìm hiểu bức tranh tín ngưỡng thời Hùng Vương”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 30-38.

13. Cao Thế Trinh (2006), “Cây chuối với tín ngưỡng phồn thực trong tiềm thức của một số cư dân ở Đông Nam Á”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 9-12.



Lễ cúng cơm mới của người Lô Lô ở Hà Giang

Ảnh: Nguyễn Thắng